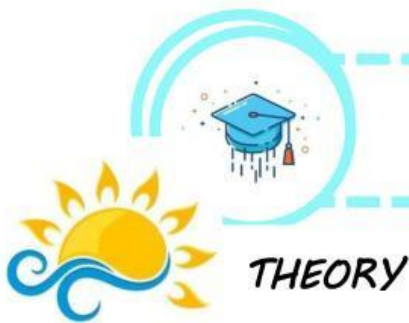




UNIT 7: GROWING UP

► GRAMMAR (NGỮ PHÁP)

I. Simple past tense

1. Cách dùng

- Diễn tả hành động hay sự việc đã xảy ra và kết thúc tại một thời điểm được xác định trong quá khứ.

Ex: I met her last summer. (Tôi đã gặp cô ấy vào mùa hè năm ngoái.)

- Diễn tả hành động thường làm hay quen làm trong quá khứ.

Ex: She often swimming every day last year. (Năm ngoái cô ấy đi bơi mỗi ngày.)

2. Dạng thức của quá khứ đơn.

a. Với động từ "to be" (was/were)

	Khẳng định	Phủ định (not)	Nghi vấn?
I/ He/ She/ It/ Danh từ số ít	was	was not (wasn't)	Was I / he/ she it/...?
We/ You/ They/ Danh từ số nhiều	were	were not (weren't)	Were we/ you/they...?

b. Với động từ thường (Verbs/V)

	Khẳng định	Phủ định (not)	Nghi vấn?
I/ You/ We/ They/ He /She / It / Danh từ	-V-ed (động từ có quy tắc) - V-2 (động từ bất quy tắc)	did not + Vo (=didn't +Vo)	Did...+ Vo...?

c. Wh-question

Khi đặt câu hỏi có chứa **Wh-word** (từ để hỏi) như **Who, What, When, Where, Why, Which, How**, ta đặt chúng lên đầu câu. Tuy nhiên khi trả lời cho dạng câu hỏi này, ta không dùng Yes/No mà cần đưa ra câu trả lời trực tiếp.

Cấu trúc:

Wh-word + was/were + S?	Wh-word + did + S + V?
Ví dụ: -Where were they? (Họ đã ở đâu thế?) -They were in the playground. (Họ ở trong sân chơi.)	Ví dụ: -What did Ba do at the weekend? (Ba đã làm gì vào cuối tuần?) -He studied English. (Cậu ấy học tiếng Anh.)

3. Dấu hiệu nhận biết

- Trong câu ở thì quá khứ đơn thường có sự xuất hiện của các trạng từ chỉ thời gian như:

-yesterday (hôm qua)

-last night/week/month/...(Tối qua/tuần trước/tháng trước/...)

-ago (cách đây), (two hours ago: cách đây 2 giờ/two weeks ago: cách đây hai tuần...)

-in + thời gian trong quá khứ (eg:in 1990)

-when: khi (trong câu kể)

4. Cách thêm -ed vào sau động từ

a. Trong câu ở thì quá khứ đơn, động từ bắt buộc phải thêm đuôi -ed.

Dưới đây là các quy tắc khi thêm đuôi -ed vào động từ.

Thêm "ed" vào đằng sau hầu hết các động từ	Ví dụ	Want - wanted Look - looked	Finish - finished Help - helped
Động từ kết thúc bằng đuôi "e" hoặc "ee" chúng ta chỉ việc thêm "d" vào cuối động từ.	Ví dụ	Live - lived Love - loved	Agree - agreed Believe - believed
Đối với động từ tận cùng là "y" + Nếu trước "y" là một nguyên âm (u,e,o,a,i), ta thêm "ed" bình thường. + Nếu trước "y" là một phụ âm ta đổi "y" thành "i+ed"	Ví dụ	Play - played Stay - stayed Enjoy - enjoyed	Study - studied Worry - worried Marry - married
Động từ một âm tiết, tận cùng bằng một nguyên âm + một phụ âm (trừ những từ kết thúc bằng h,w,x,y), ta phải gấp đôi phụ âm trước khi thêm "ed"	Ví dụ	Stop - stopped Plan - planned	Fit - fitted

b. Động từ bất quy tắc

- Là những động từ được chia ở cột 2 trong "Bảng động từ bất quy tắc" (Học thuộc lòng)

V	V- ed	Nghĩa
go	went	Đi
have	had	Có
Teach	taught	Dạy
buy	bought	mua
drink	drank	Uống

II. Diphthongs /aɪ/, /aʊ/, /ɪə/, /eə/

/aɪ/ is a long vowel sound.	/aʊ/ is a long vowel sound.
- It starts with /a:/ and moves to /ɪ/. - It's pronounced /aɪ/...../aɪ/. die /daɪ/ like /laɪk/ why /waɪ/ high /haɪ/	- It starts with /a:/ and moves to /ʊ/ - It's pronounced /aʊ/...../aʊ/ How /haʊ/ Now /naʊ/ Loud /laʊd/ Mouse /maʊs/
/ɪə/ is a long vowel sound.	/eə/ is a long vowel sound.
- It starts with /ɪ/ and moves to /ə/ - It's pronounced /ɪə/.... /ɪə/. ear /ɪə/ hear /hɪə/ beer /bɪə/ clear /klɪə/	- It starts with /e/ and moves to /ə/. - It's pronounced /eə/...../eə/. air /eə/ care /keə/ hair /heə/ share /ʃeə/